TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2022/DS-ST
Ngày: 12 - 9 - 2022.

Về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Trí Thức.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Đê và ông Lê Văn Công.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 135/2022/TLST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2022/QĐXX-ST ngày 15 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/QĐST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hồ Thị C, sinh năm 1960. Địa chỉ: Ô3, ấp Đ, xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (có mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1981 và bà Lương Thị Mỹ L, sinh năm 1987. Địa chỉ: Tổ 10, ấp Tây, xã Hòa Long, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/6/2022, lời khai trong trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Hồ Thị C trình bày:

Ngày 15/01/2021 bà C có cho vợ chồng ông Nguyễn Minh T và bà Lương Thị Mỹ L vay 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). Khi vay, hai bên có ký hợp đồng vay tiền được công chứng tại Văn phòng công chứng B. Thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày công chứng, không thỏa thuận về lãi suất; Tiếp đến ngày 11/6/2021 bà C có cho vợ chồng ông T và bà L vay thêm 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Khi cho vay có làm "Giấy mượn tiền" viết tay, thời hạn vay là 01 năm kể từ ngày vay, không có thỏa thuận về lãi suất. Tổng số tiền bà C đã cho vợ chồng ông T và bà L vay là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

Do đến hạn nhưng vợ chồng ông T và bà L không trả tiền vay nên bà C khởi kiện

yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Minh T và bà Lương Thị Mỹ L phải trả số tiền đã vay là 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng). Ngoài ra, bà C không có yêu cầu nào khác.

Tại bản tự khai ngày 10/8/2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lương Thị Mỹ L trình bày:

Bà L thống nhất với lời trình bày của bà C về số tiền vay 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng), thời gian vay, lãi suất và thời hạn trả tiền là đúng. Bà L đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trả cho bà C toàn bộ 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

Bị đơn ông Nguyễn Minh T trong quá trình giải quyết vụ án đã được thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ tham gia phiên họp kiểm tra tiếp nhận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng đều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn đã được ghi trong Thông báo thụ lý vụ án.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đều chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn ông T không chấp hành pháp luật tố tụng dân sự, vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng vụ án.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Nguyễn Minh T và bà Lương Thị Mỹ L có nghĩa vụ trả cho bà Hồ Thị C 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra tại tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần hai bị đơn ông Nguyễn Minh T và bà Lương Thị Mỹ L tham gia phiên tòa nhưng cả hai đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả nợ số tiền 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng). Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự tại phiên tòa, Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án bà L thừa nhận vợ chồng bà có hai lần vay tiền của bà C tổng cộng 250.000.000đ, cụ thể: ngày 15/01/2021 vay 250.000.000đ theo hợp đồng vay tiền được công chứng số 00260 tại Văn phòng công chứng B, sau đó vay tiếp 50.000.000đ theo "Giấy mượn tiền" viết tay ngày 11/6/2021. Đối với ông T đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi đối với nội dung được ghi trong Thông báo thụ lý vụ án và nội dung kết quả phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải. Do đó, có cơ sở xác định ông T, bà L có vay của bà C 250.000.000đ là đúng sự thật, thời hạn vay là 01 năm, không thỏa thuận lãi suất. Do ông T, bà L vi phạm thời hạn trả nợ quy định tại Điều 470 Bộ luật dân sự nên bà C khởi kiện yêu cầu ông T, bà L trả nợ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận buộc ông Nguyễn Minh T và bà Lương

Thị Mỹ L phải trả cho bà Hồ Thị C số tiền đã vay là 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông T, bà L phải chịu toàn bộ án phí trên số tiền phải trả là 250.000.000đ x 5% = 12.500.000đ (Mười hai triệu năm trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 36, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357 Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị C đối với ông Nguyễn Minh T và bà Lương Thị Mỹ L về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc ông Nguyễn Minh T và bà Lương Thị Mỹ L có nghĩa vụ trả cho bà Hồ Thị C số tiền 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí: Ông Nguyễn Minh T và bà Lương Thị Mỹ L phải nộp 12.500.000đ (Mười hai triệu năm trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh BRVT;
- VKSND Tp. B;
- Chi cục THA Tp. B;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hoàng Trí Thức